

TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 19 – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 39/2026/DS-ST
Ngày 30/3/2026
V/v tranh chấp về hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 19 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Văn Quế.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Thu Hương;

Bà Nguyễn Thị Nga.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trịnh Thu Thảo - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 19 - Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân khu vực 19 - Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Hoàng Ngọc Tuyết - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 3 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 19 - Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 203/2025/TLST - DS ngày 13 tháng 10 năm 2025 về việc “Tranh chấp về hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 71/2026/QĐST-DS ngày 23 tháng 02 năm 2026, Quyết định hoãn phiên tòa số 23/2026/QĐ-ST ngày 16 tháng 3 năm 2026, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP Đ (P); địa chỉ trụ sở chính: Số B, đường N, phường C, Thành phố Hà Nội;

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Trần Đức N trú tại Ngân hàng TMCP Đ - Lầu M, số B, đường L, phường N, Thành phố Hồ Chí Minh là người đại diện uỷ quyền của nguyên đơn (Văn bản uỷ quyền ngày 23/7/2025). Có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt.

- Bị đơn: Ông Huỳnh Xuân T, sinh năm 1990; địa chỉ: Ấp V, xã P, Thành phố Hồ Chí Minh. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, người đại diện hợp pháp của Ngân hàng

TMCP Đ (P) trình bày: Ngày 19/5/2017, Ngân hàng TMCP Đ (P) và ông Huỳnh Xuân T đã ký kết Hợp đồng tín dụng số 0570/2017/HĐTD/PVB-CN.BD ngày 19/5/2017, thông tin cụ thể: Hạn mức cho vay: 100.000.000 đồng; ngày giải ngân: 19/5/2017; thời hạn cho vay: 60 tháng; mục đích vay: tiêu dùng; lãi suất phát vay: Từ ngày 19/5/2017 đến ngày 18/8/2017, lãi suất bằng 14%/năm; từ ngày 19/8/2017 đến hết thời hạn vay, lãi suất cho vay được điều chỉnh 03 tháng một lần. Dư nợ khoản vay của ông Huỳnh Xuân T tạm tính đến ngày 30/3/2026 là: Gốc 67.492.592 đồng; lãi 122.765.190 đồng, tổng cộng 190.257.782 đồng. Trong quá trình thực hiện Hợp đồng tín dụng, ông Huỳnh Xuân T đã không thực hiện trả nợ theo quy định tại Hợp đồng tín dụng đã ký kết với P. Mặc dù, P đã nhiều lần liên hệ, nhắc nhở nhưng ông Huỳnh Xuân T có biểu hiện kéo dài thời gian và cố tình trốn tránh nghĩa vụ trả nợ cho P. Để đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của mình và tránh những thiệt hại có thể phát sinh từ tranh chấp trên, P khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân khu vực 19 - Thành phố Hồ Chí Minh xem xét và giải quyết: Buộc ông Huỳnh Xuân T phải trả nợ cho P tổng số tiền 190.257.782 đồng, trong đó nợ gốc 67.492.592 đồng, nợ lãi 122.765.190 đồng. Buộc ông Huỳnh Xuân T phải trả các khoản nợ lãi và phí phát sinh theo Hợp đồng tín dụng số 0570/2017/HĐTD/PVB-CN.BD ngày 19/5/2017 kể từ ngày 31/3/2026 cho đến khi thực hiện xong toàn bộ nghĩa vụ trả nợ đối với các khoản vay tại P.

Bị đơn ông Huỳnh Xuân T không tham gia tố tụng tại Tòa án, quá trình tố tụng, ông T đã được Tòa án tổng đạt trực tiếp các văn bản tố tụng theo quy định của Bộ Luật Tố tụng dân sự năm 2015. Tuy nhiên, ông T không chấp hành theo giấy triệu tập và văn bản tố tụng của Tòa án, vắng mặt không có lý do; không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và không cung cấp tài liệu, chứng cứ cho Tòa án cũng như không ủy quyền cho ai tham gia tố tụng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 19 - Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án đến khi kết thúc phần tranh luận và đối đáp, Thẩm phán, Hội đồng xét xử (viết tắt là HĐXX), Thư ký đã tiến hành đúng, đầy đủ các thủ tục tố tụng theo quy định. Tại phiên tòa sơ thẩm, những người tiến hành tố tụng như Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, Thư ký Tòa án và những người tham gia tố tụng chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Nguyên đơn yêu cầu bị đơn thanh toán số tiền tính đến ngày 30/3/2026 là 190.257.782 đồng (một trăm chín mươi triệu hai trăm năm mươi bảy nghìn bảy trăm tám mươi hai đồng). Bị đơn được tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng vắng mặt không có lý do và không có ý kiến. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định.

[1] Về tố tụng: Về quan hệ pháp luật: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết tranh chấp về hợp đồng tín dụng với bị đơn nên quan hệ pháp luật trong vụ án được xác định là “Tranh chấp về hợp đồng tín dụng” theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2025. Về thẩm quyền giải quyết: Bị đơn ông Huỳnh Xuân T cư trú tại ấp V, xã P, Thành phố Hồ Chí Minh nên theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2025; Nghị quyết số 81/2025/UBTVQH15 ngày 27 tháng 6 năm 2025 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về thành lập Tòa án nhân dân cấp tỉnh, Tòa án nhân dân khu vực; Điều 5 của Nghị quyết 01/2025/NQ-HĐTP ngày 27 tháng 6 năm 2025 hướng dẫn áp dụng một số quy định về tiếp nhận nhiệm vụ, thực hiện thẩm quyền của Tòa án nhân dân thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 19 - Thành phố Hồ Chí Minh.

[2] Về sự vắng mặt của nguyên đơn, bị đơn: Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng như: Thông báo về việc thụ lý vụ án; thông báo về phiên hòa giải; thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải; thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ; quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa cho nguyên đơn và bị đơn, nhưng nguyên đơn có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt, bị đơn được triệu tập hợp lệ lần thứ 2 nhưng vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử căn cứ vào các Điều 5, 6, 91, 227 và 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự để giải quyết vắng mặt các đương sự nêu trên.

[3] Về nội dung tranh chấp: Ngày 19/5/2017, ông Huỳnh Xuân T có ký với Ngân hàng TMCP Đ Hợp đồng tín dụng số 0570/2017/HĐTD/PVB-CN.BD ngày 19/5/2017, thông tin cụ thể như sau: Hạn mức cho vay 100.000.000 đồng; ngày giải ngân: 19/5/2017; thời hạn cho vay: 60 tháng; mục đích vay: Tiêu dùng; lãi suất phát vay: Từ ngày 19/5/2017 đến ngày 18/8/2017, lãi suất bằng 14%/năm; từ ngày 19/8/2017 đến hết thời hạn vay, lãi suất cho vay được điều chỉnh 03 tháng một lần. Quá trình thực hiện hợp đồng thì ông Huỳnh Xuân T vi phạm nghĩa vụ thanh toán. Tính đến ngày 30/3/2026 thì ông Huỳnh Xuân T chưa thanh toán là 190.257.782 đồng, trong đó tiền nợ gốc là 67.492.592 đồng, tiền lãi là 122.765.190 đồng.

[4] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Nguyên đơn Ngân hàng TMCP Đ và bị đơn ông Huỳnh Xuân T có ký kết với nhau Hợp đồng tín dụng số 0570/2017/HĐTD/PVB-CN.BD ngày 19/5/2017. Do đó, nội dung của hợp đồng, thỏa thuận nêu trên giữa các bên có hiệu lực pháp luật và là cơ sở phát sinh quyền, nghĩa vụ của hai bên. Vì vậy, nghĩa vụ chịu trách nhiệm trả nợ theo hợp đồng của bị đơn ông T đã phát sinh kể từ thời điểm ký kết hợp đồng cho vay trả góp bằng lương, khế ước nhận nợ theo quy định tại Điều 278, Điều 280, Điều 401 của Bộ luật Dân sự năm 2015. Nguyên đơn cho rằng bị đơn vi phạm nghĩa vụ thanh toán, nguyên đơn nhiều lần yêu cầu bị đơn tất toán khoản vay nhưng bị đơn không thực hiện; bị đơn ông T cũng xác định khoản vay đã đến hạn nhưng ông chưa có khả năng thanh toán. Xét thấy, bị đơn đã vi phạm các điều khoản thỏa thuận đã ký kết, nên việc Ngân hàng khởi kiện yêu cầu bị đơn ông T phải có

nghĩa vụ trả số tiền gốc 67.492.592 đồng là có cơ sở để chấp nhận, phù hợp quy định tại Điều 466 và khoản 2 Điều 470 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

[5] Đối với yêu cầu thanh toán tiền lãi: Mức lãi suất trong hạn của Hợp đồng tín dụng số 0570/2017/HĐTD/PVB-CN.BD ngày 19/5/2017 là: Lãi suất phát vay: Từ ngày 19/5/2017 đến ngày 18/08/2017, lãi suất bằng 14%/năm; từ ngày 19/8/2017 đến hết thời hạn vay, lãi suất cho vay được điều chỉnh 03 tháng một lần. Đối với lãi suất nợ quá hạn được quy định tại mục 2.2 Điều 2 của hợp đồng thể hiện: “Bằng 150% lãi suất nợ trong hạn áp dụng tại ngày đến hạn đối với số dư nợ gốc đến hạn nhưng chưa trả được”. Căn cứ khoản 2 Điều 91 của Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010, Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng pháp luật về lãi, lãi suất và phạt vi phạm; khoản 4 Điều 13 của Thông tư 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 của Ngân hàng N1 thì sự thỏa thuận về mức lãi suất vay trong hạn, lãi suất quá hạn của các bên là phù hợp với quy định của pháp luật, nên Hội đồng xét xử chấp nhận mức lãi suất mà các bên đã thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng mà không cần phải điều chỉnh.

[6] Đối với yêu cầu thanh toán lãi do chậm thực hiện nghĩa vụ: Căn cứ Nghị quyết số 01/2019/NQHĐTP ngày 11 tháng 01 năm 2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao quy định “Đối với trường hợp chậm thực hiện nghĩa vụ trong hợp đồng mà các bên có thỏa thuận về việc trả lãi thì quyết định kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật; nếu không có thỏa thuận về mức lãi suất thì quyết định theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015”. Do đó, nguyên đơn yêu cầu bị đơn ông Huỳnh Xuân T phải tiếp tục trả khoản tiền lãi của số tiền nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận tại hợp đồng mà hai bên đã ký kết cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc nêu trên là phù hợp.

[7] Với những căn cứ nêu trên, xét thấy hợp đồng được ký kết giữa hai bên là hợp đồng song vụ, quyền và nghĩa vụ của các bên bị ràng buộc theo nội dung đã thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng; quá trình thực hiện hợp đồng bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn. Hợp đồng cho vay trả góp bằng lương và khế ước nhận nợ đều do ông Huỳnh Xuân T ký kết với Ngân hàng. Do đó, nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn ông Huỳnh Xuân T phải có nghĩa vụ thanh toán tổng số tiền tính đến ngày 30/3/2026 là 190.257.782 đồng, trong đó tiền nợ gốc là 67.492.592 đồng, tiền lãi là 122.765.190 đồng là có cơ sở chấp nhận, phù hợp quy định tại Điều 466 và khoản 2 Điều 470 của Bộ luật Dân sự năm 2015 và các quy định khác của luật như đã phân tích nêu trên.

[8] Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa về nội dung vụ án là có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận

[9] Về án phí: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên nguyên đơn không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[10] Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Điều 5, Điều 6, khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 91 và các Điều 147, 184, 227, 238, 266, 271 và 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Các Điều 117, 463, 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Điều 91 và Điều 95 của Luật các Tổ chức tín dụng năm 2010;

Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11 tháng 01 năm 2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm.

Nghị quyết số 81/2025/UBTVQH15 ngày 27 tháng 6 năm 2025 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về thành lập Tòa án nhân dân cấp tỉnh, Tòa án nhân dân khu vực;

Điều 5 của Nghị quyết 01/2025/NQ-HĐTP ngày 27 tháng 6 năm 2025 hướng dẫn áp dụng một số quy định về tiếp nhận nhiệm vụ, thực hiện thẩm quyền của Tòa án nhân dân;

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng TMCP Đ đối với bị đơn ông Huỳnh Xuân T về việc “Tranh chấp về hợp đồng tín dụng”.

2. Buộc bị đơn ông Huỳnh Xuân T phải trả cho nguyên đơn Ngân hàng TMCP Đ tổng số tiền tính đến ngày 30/3/2026 là 190.257.782 đồng (một trăm chín mươi triệu hai trăm năm mươi bảy nghìn bảy trăm tám mươi hai đồng), trong đó: Nợ gốc là 67.492.592 đồng (sáu mươi bảy triệu bốn trăm chín mươi hai nghìn năm trăm chín mươi hai đồng), lãi là 122.765.190 đồng (một trăm hai mươi hai triệu bảy trăm sáu mươi lăm nghìn một trăm chín mươi đồng).

Tiếp tục tính lãi phát sinh từ ngày 31/3/2026 theo mức lãi suất hai bên thỏa thuận tại Hợp đồng cho vay trả góp bằng lương và Khế ước nhận nợ được ký kết giữa Ngân hàng TMCP Đ với ông Huỳnh Xuân T cho đến khi bị đơn ông Huỳnh Xuân T thanh toán xong các khoản nợ gốc, lãi.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bị đơn ông Huỳnh Xuân T phải nộp 9.512.889 đồng (chín triệu năm trăm mười hai nghìn tám trăm tám mươi chín đồng). Hoàn trả cho nguyên đơn Ngân hàng TMCP Đ số tiền 4.464.912 đồng (bốn triệu bốn trăm sáu mươi tư nghìn chín trăm mười hai đồng) do Ngân hàng TMCP Đ đã nộp tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm theo Biên lai thu tạm ứng án

phí, lệ phí Tòa án số 0006711 ngày 31 tháng 7 năm 2025 của Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND Thành phố Hồ Chí Minh;
- THADS Thành phố Hồ Chí Minh;
- VKSND khu vực 19 - Thành phố Hồ Chí Minh;
- Phòng THADS khu vực 19 - Thành phố Hồ Chí Minh;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TÒA**

Bùi Văn Quế